

ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG KẾ TOÁN THỎA THUẬN CHUNG THEO IFRS 11

● TRƯƠNG THỊ NHUNG

Khoa Kế toán Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

TÓM TẮT:

Thỏa thuận chung theo IFRS 11 là một trong những quy định quan trọng trong việc xác định và xử lý kế toán các thỏa thuận hợp tác giữa các bên tham gia. IFRS 11, được ban hành bởi Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB), quy định cách thức nhận diện, phân loại và kế toán các thỏa thuận chung, bao gồm các loại hợp đồng hợp tác trong các dự án chung như liên doanh (joint venture) và thỏa thuận hợp tác chung (joint operation). Mục đích chính của IFRS 11 là đảm bảo tính nhất quán trong cách các công ty thực hiện báo cáo tài chính đối với các thỏa thuận chung, đồng thời cung cấp sự minh bạch và độ tin cậy trong thông tin tài chính được cung cấp. Bài viết này sẽ phân tích các yêu cầu cơ bản của IFRS 11 và cách thức áp dụng trong thực tế, đồng thời làm rõ sự khác biệt giữa liên doanh và thỏa thuận hợp tác chung.

Từ khóa: thỏa thuận chung, IFRS 11, liên doanh, thỏa thuận hợp tác chung, báo cáo tài chính, chuẩn mực kế toán.

1. Đặt vấn đề

Thỏa thuận chung theo IFRS 11 đã được đưa ra nhằm tạo sự minh bạch và đồng nhất trong việc kế toán các hợp đồng hợp tác giữa các bên tham gia, đặc biệt trong bối cảnh các công ty ngày càng gia tăng việc hợp tác để thực hiện các dự án chung. Trước khi IFRS 11 ra đời, các quy định về thỏa thuận chung thường thiếu sự rõ ràng và không đồng nhất, dẫn đến sự khó khăn trong việc đánh giá chính xác ảnh hưởng của các thỏa thuận này đối với báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

IFRS 11 yêu cầu các doanh nghiệp phải phân loại các thỏa thuận chung thành hai loại chính: thỏa thuận hợp tác chung (joint operations) và liên doanh (joint ventures). Quy định này có ảnh hưởng

trực tiếp đến cách thức ghi nhận tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí trong báo cáo tài chính. Đặc biệt, thỏa thuận hợp tác chung yêu cầu các bên tham gia phải ghi nhận tỷ lệ sở hữu của mình đối với tài sản và nợ phải trả, trong khi đó liên doanh lại yêu cầu báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

Việc áp dụng IFRS 11 không chỉ đảm bảo tính minh bạch, mà còn giúp các bên tham gia trong thỏa thuận chung có thể hiểu rõ hơn về trách nhiệm tài chính và các nghĩa vụ phải thực hiện trong mối quan hệ hợp tác. Tuy nhiên, việc phân loại và áp dụng chuẩn mực này trong thực tế đôi khi vẫn gặp phải nhiều khó khăn và thách thức đối với các công ty.

2. Khái niệm và phân loại thỏa thuận chung theo IFRS 11

Theo IFRS 11, thỏa thuận chung được định nghĩa là một thỏa thuận, trong đó hai hay nhiều bên tham gia có quyền kiểm soát chung một hoạt động kinh doanh, với mục tiêu hợp tác để thực hiện các dự án chung hoặc hoạt động kinh doanh. IFRS 11 yêu cầu các bên tham gia phải phân loại thỏa thuận chung thành hai loại chính: thỏa thuận hợp tác chung (joint operations) và liên doanh (joint ventures). Sự phân loại này có ảnh hưởng lớn đến cách thức ghi nhận và báo cáo tài chính.

Thỏa thuận hợp tác chung (joint operations) là những thỏa thuận, trong đó các bên tham gia có quyền kiểm soát tài sản và nợ phải trả, đồng thời chia sẻ lợi nhuận và rủi ro theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong trường hợp này, các bên tham gia phải ghi nhận trực tiếp tài sản và nợ phải trả của thỏa thuận chung, cũng như ghi nhận các khoản chi phí và doanh thu theo tỷ lệ sở hữu của mình. Đây là sự khác biệt rõ rệt với liên doanh, nơi các bên tham gia không có quyền kiểm soát tài sản và nợ phải trả mà chỉ kiểm soát cổ phần của mình trong liên doanh đó.

Liên doanh (joint ventures), ngược lại, là các thỏa thuận trong đó các bên tham gia kiểm soát chung một hoạt động, nhưng quyền kiểm soát tài sản và nợ phải trả không được chia sẻ trực tiếp. Thay vào đó, các bên tham gia ghi nhận đầu tư vào liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Điều này có nghĩa các doanh nghiệp chỉ ghi nhận phần lợi nhuận hoặc thua lỗ từ liên doanh trong báo cáo tài chính, thay vì ghi nhận trực tiếp tài sản và nợ phải trả.

Việc phân loại thỏa thuận chung thành hai loại này giúp đảm bảo tính minh bạch và hợp lý trong báo cáo tài chính. Mỗi loại thỏa thuận có cách thức kế toán và báo cáo khác nhau, điều này ảnh hưởng đến cách thức doanh nghiệp trình bày các hoạt động hợp tác trong báo cáo tài chính của mình. Việc áp dụng đúng phân loại này là rất quan trọng để đảm bảo tính chính xác và tuân thủ các yêu cầu của IFRS 11.

3. Yêu cầu kế toán đối với thỏa thuận hợp tác chung và liên doanh

Kế toán đối với thỏa thuận hợp tác chung và liên doanh theo IFRS 11 yêu cầu các doanh nghiệp phải

áp dụng phương pháp kế toán khác nhau đối với từng loại thỏa thuận. Đối với thỏa thuận hợp tác chung, các bên tham gia phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí trong báo cáo tài chính của mình dựa trên tỷ lệ sở hữu của họ trong thỏa thuận đó. Điều này có nghĩa nếu một doanh nghiệp sở hữu 60% tài sản trong một thỏa thuận hợp tác chung, họ sẽ phải ghi nhận 60% tài sản và nợ phải trả của thỏa thuận đó trong báo cáo tài chính của mình. Tương tự, doanh thu và chi phí cũng sẽ được ghi nhận theo tỷ lệ này.

Ngoài ra, theo Điều 6 của IFRS 11, trong thỏa thuận hợp tác chung, các bên tham gia phải xác định rõ ràng quyền và nghĩa vụ đối với tài sản và nợ phải trả của thỏa thuận, cũng như phân chia trách nhiệm trong việc quản lý và điều hành thỏa thuận. Việc này giúp xác định rõ vai trò của mỗi bên trong việc tham gia và kiểm soát thỏa thuận chung, đồng thời giúp tránh các tranh chấp có thể xảy ra liên quan đến quyền sở hữu tài sản hoặc nợ phải trả.

Đối với liên doanh, IFRS 11 yêu cầu các bên tham gia phải ghi nhận khoản đầu tư vào liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các doanh nghiệp sẽ chỉ ghi nhận phần lợi nhuận hoặc thua lỗ từ liên doanh mà họ kiểm soát, thay vì ghi nhận trực tiếp tài sản và nợ phải trả của liên doanh đó. Theo Điều 7 của IFRS 11, các doanh nghiệp phải trình bày khoản đầu tư vào liên doanh trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu, tức là ghi nhận phần lợi nhuận hoặc thua lỗ từ liên doanh vào thu nhập của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, IFRS 11 cũng yêu cầu các doanh nghiệp phải công khai thông tin chi tiết về thỏa thuận chung của mình trong báo cáo tài chính. Theo Điều 8, doanh nghiệp phải cung cấp thông tin về bản chất và phạm vi của thỏa thuận chung, các bên tham gia và tỷ lệ sở hữu của mỗi bên trong thỏa thuận. Điều này giúp người sử dụng báo cáo tài chính có cái nhìn rõ ràng về các thỏa thuận chung mà doanh nghiệp tham gia và các ảnh hưởng của chúng đối với tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Cả hai loại thỏa thuận đều yêu cầu các bên tham gia phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán về ghi nhận, phân loại và trình bày tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí trong báo cáo tài chính. Việc

áp dụng chính xác các quy định này sẽ giúp các doanh nghiệp tránh được rủi ro sai sót trong báo cáo tài chính và đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin.

4. Ứng dụng của IFRS 11 trong thực tiễn

Việc áp dụng IFRS 11 trong thực tiễn có ảnh hưởng sâu rộng đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có nhiều hợp đồng hợp tác chung như năng lượng, xây dựng, hoặc các công ty đa quốc gia. Một trong những thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp là phân loại chính xác các thỏa thuận chung thành thỏa thuận hợp tác chung hoặc liên doanh, vì mỗi loại này yêu cầu một phương pháp kế toán và báo cáo tài chính khác nhau. Các doanh nghiệp phải đảm bảo rằng họ hiểu rõ về cấu trúc và điều kiện của thỏa thuận để có thể áp dụng IFRS 11 một cách chính xác và đầy đủ.

Thực tế, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa thỏa thuận hợp tác chung và liên doanh. Một trong những lý do chính là tính chất phức tạp của các dự án hợp tác. Trong khi thỏa thuận hợp tác chung yêu cầu các bên tham gia phải ghi nhận tài sản và nợ phải trả trực tiếp vào báo cáo tài chính của mình, thì các doanh nghiệp tham gia liên doanh chỉ ghi nhận lợi nhuận hoặc thua lỗ từ liên doanh mà không cần ghi nhận trực tiếp tài sản và nợ phải trả. Điều này có thể tạo ra sự nhầm lẫn trong quá trình lập báo cáo tài chính, nhất là khi các bên tham gia một thỏa thuận chung không rõ ràng về tỷ lệ sở hữu tài sản và nợ phải trả.

Một thách thức khác là việc công khai thông tin. Theo IFRS 11, các doanh nghiệp phải công khai thông tin chi tiết về các thỏa thuận chung của mình, bao gồm tỷ lệ sở hữu, quyền kiểm soát và nghĩa vụ đối với tài sản và nợ phải trả. Việc công khai này giúp các nhà đầu tư và người sử dụng báo cáo tài chính có cái nhìn rõ ràng hơn về các mối quan hệ hợp tác của doanh nghiệp, nhưng đồng thời cũng yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư vào các hệ thống báo cáo và kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin.

Một ví dụ điển hình về việc áp dụng IFRS 11 trong thực tiễn là các công ty dầu khí và năng lượng. Các công ty này thường xuyên tham gia vào các thỏa thuận hợp tác chung để phát triển các mỏ

dầu hoặc các dự án năng lượng. Việc áp dụng IFRS 11 giúp các công ty này quản lý tốt hơn tài sản và nợ phải trả liên quan đến các dự án chung, đồng thời cũng đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính, giúp các nhà đầu tư có thể đánh giá chính xác hơn về khả năng sinh lời và rủi ro của công ty.

Tuy nhiên, một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, có thể gặp khó khăn trong việc áp dụng IFRS 11 do thiếu hụt nguồn lực và hiểu biết về các quy định này. Để khắc phục vấn đề này, các doanh nghiệp có thể cần sự hỗ trợ từ các chuyên gia tư vấn về kế toán quốc tế hoặc đầu tư vào các phần mềm kế toán tiên tiến, giúp tự động hóa quá trình phân loại thỏa thuận chung và báo cáo tài chính.

Bên cạnh đó, việc đào tạo đội ngũ kế toán viên về các quy định của IFRS 11 cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao khả năng áp dụng chuẩn mực này một cách chính xác và hiệu quả. Các kế toán viên cần phải hiểu rõ về sự khác biệt giữa thỏa thuận hợp tác chung và liên doanh để có thể ghi nhận tài sản và nợ phải trả đúng cách, đồng thời đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính.

5. Kết luận và khuyến nghị

Việc áp dụng IFRS 11 vào kế toán thỏa thuận chung là một bước tiến lớn trong việc tăng cường tính minh bạch và nhất quán trong báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, do sự phức tạp của các loại thỏa thuận chung, việc áp dụng chuẩn mực này vẫn gặp phải không ít thách thức đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp chưa quen với các yêu cầu kế toán quốc tế.

Để giải quyết các khó khăn này, doanh nghiệp cần có chiến lược rõ ràng trong việc phân loại các thỏa thuận chung, cũng như áp dụng phương pháp kế toán phù hợp. Đồng thời, việc công khai thông tin về các thỏa thuận chung cũng cần được thực hiện đầy đủ và chính xác để đảm bảo sự minh bạch cho các bên liên quan.

Khuyến nghị các doanh nghiệp nên tích cực tham gia các khóa đào tạo về IFRS 11 và đầu tư vào các công cụ hỗ trợ kế toán hiện đại, giúp việc áp dụng chuẩn mực này trở nên hiệu quả hơn. Các doanh nghiệp cũng nên xem xét việc hợp tác với các chuyên gia tư vấn để đảm bảo rằng họ đang áp dụng các quy định của IFRS 11 được đúng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tuan, H. (2019). IFRS 11 and Its Implications for Vietnamese Companies. *Vietnamese Journal of Financial Accounting*, 12(1), 45-60.

Nguyễn Thị Lan, T. (2022). Ảnh hưởng của IFRS 11 đối với báo cáo tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán Việt Nam*, 34(6), 123-138.

Trần Minh Hương, & Lê Thị Thanh (2020). Thực tiễn áp dụng IFRS 11 tại các doanh nghiệp Việt Nam: Vấn đề và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 31(4), 75-90.

Phạm Minh Tuấn, & Nguyễn Thanh Bình (2021). IFRS 11 và tác động đến việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế*, 18(3), 102-116.

Lê Minh Tiến, & Hoàng Thị Lan (2023). Ứng dụng IFRS 11 tại các công ty đa quốc gia tại Việt Nam: Một nghiên cứu trường hợp. *Tạp chí Tài chính và Kinh tế Quốc tế*, 25(1), 49-63.

Alexander, S. (2018). Accounting for Joint Arrangements under IFRS 11: An Overview. *Journal of International Accounting*, 15(2), 78-94.

IASB (2011). IFRS 11 - Joint Arrangements. *International Financial Reporting Standards*.

Ngày nhận bài: 22/1/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/2/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 24/2/2025

KEY ACCOUNTING PRINCIPLES FOR JOINT ARRANGEMENTS UNDER IFRS 11

● **TRUONG THI NHUNG**

Faculty of Accounting and Auditing,
University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

Joint arrangements under IFRS 11 play a critical role in the recognition and accounting of collaborative business activities between participating parties. Issued by the International Accounting Standards Board (IASB), IFRS 11 provides guidance on identifying, classifying, and accounting for joint arrangements, including joint ventures and joint operations. The standard aims to promote consistency in financial reporting and enhance the transparency and reliability of financial information related to joint activities. This study analyzes the core principles and requirements of IFRS 11, examines its practical application, and highlights the key differences between joint ventures and joint operations.

Keywords: joint venture, IFRS 11, joint venture, joint venture agreement, financial reporting, accounting standards.